

Bản án số: 58/2019/HS-ST
Ngày 15 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần.

Ông Vũ Xuân Thù.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Thanh T, sinh ngày 28/6/1981 tại xã B, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 10, xã B, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn D và bà Trần Thị Đ; có vợ là Lâm Ngọc T đã ly hôn; có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 27/11/2018 bị Công an huyện X xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền 1.500.000đ; bị cáo tạm giữ từ ngày 12/8/2019 đến ngày 15/8/2019 chuyển tạm giam; “có mặt”.

- Người bào chữa: Bà Đinh Thị Thanh Tâm - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị hại: Anh Đỗ Minh M, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 18, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

2. Ông Vũ Văn D, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 10, xã B, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- *Người làm chứng:* Anh Bùi Đức V, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 2, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 28/7/2019, Vũ Thanh T đi bộ từ nhà đến cửa hàng kinh doanh nhôm kính T ở thôn H, xã N, huyện X, tỉnh Nam Định với mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu. Đến nơi, T gặp nhân viên cửa hàng là anh Đỗ Minh M đang làm việc, T hỏi anh M “anh Tiến Anh có nhà không”, anh M trả lời “không” rồi đi vào phía trong tiếp tục làm việc. Lúc này, T phát hiện gần khu vực bàn uống nước có 01 điện thoại Samsung Galaxy On7 của anh M để ở dưới sàn nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát thấy anh M không để ý, T lấy chiếc điện thoại rồi rời khỏi cửa hàng. Sau đó T tháo sim điện thoại cất vào túi quần rồi đi bộ đến quán nước của anh Bùi Đức V ở tổ 5, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định nói là điện thoại của mình và nhờ V dẫn đi bán. V nhất trí lấy xe máy chở T đến cửa hàng điện thoại B Liên ở tổ 18, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; V cầm điện thoại bán cho chủ cửa hàng là anh Trần Văn B được 1.200.000đ rồi đưa tiền cho T. Sau đó, T đã chi tiêu cá nhân hết 450.000đ.

Nhận được tin báo của bị hại, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X đã tiến hành xác minh, làm rõ hành vi của Vũ Thanh T và thu giữ của T 01 sim điện thoại và số tiền 750.000đ, đồng thời thu giữ của anh Trần Văn B 01 điện thoại Samsung Galaxy On7. Trong quá trình xác minh, điều tra, T đã bỏ trốn khỏi địa phương, Công an huyện X ra quyết định truy nã đối với Vũ Thanh T, đến ngày 12/8/2019 T đã ra đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 31/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X kết luận: 01 chiếc điện

thoại Samsung Galaxy On7 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 1.700.000đ.

Trong quá trình điều tra, Công an huyện X đã trả lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy On7 cùng 01 thẻ sim cho anh Đỗ Minh M, anh M không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Bổ để bị cáo Vũ Thanh T là ông Vũ Văn D đã tự nguyện bồi thường cho chủ cửa hàng điện thoại B Liên là anh Trần Văn B số tiền 450.000đ.

Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 30/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X đã truy tố hành vi của Vũ Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T từ 9 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2019.

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại số tiền 750.000đ thu giữ của bị cáo cho anh Trần Văn B, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Vũ Thanh T khai nhận đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo công nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội của mình. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối lỗi mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo như khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Vũ Thanh T đã có 01 tiền sự về hành vi xâm phạm đến sở hữu tài sản của người khác. Ngày 28/7/2019, Vũ Thanh T đã có hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại Samsung Galaxy On7 cùng 01 thẻ sim có giá trị 1.700.000đ của anh Đỗ Minh M ở xã N, huyện X, tỉnh Nam Định. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, không chịu khó làm ăn đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền chi tiêu cho bản thân nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền sự nhưng đã là dấu hiệu định tội nên không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối lỗi, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi bị truy nã đã ra đầu thú, bản thân bị cáo là người có nhiều thành tích trong quân đội; gia đình bị cáo đã bồi thường để khắc phục một phần hậu quả cho anh Trần Văn B nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung. Do bị cáo Vũ Thành T chưa có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung tại quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với Bùi Đức Viên, bị cáo T nhờ Viên bán chiếc điện thoại nhưng Viên không biết đó là tài sản do phạm tội mà có và sau khi bán điện thoại Viên đã giao lại toàn bộ số tiền bán điện thoại cho T nên cơ quan điều tra nhắc nhở, rút kinh nghiệm với Viên là phù hợp.

[7] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đỗ Minh M sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết. Đối với anh Trần Văn B mua điện thoại của bị cáo với giá 1.200.000đ, vì không

biết tài sản trên là do bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh B số tiền 450.000đ. Số tiền còn lại anh B yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp. Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 750.000đ do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có xét thấy cần tịch thu để trả lại cho anh B là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Vũ Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2019.

2. Xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại cho anh Trần Văn B số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo Biên lai thu tiền số AA/2012/06316 ngày 07/10/2019 giữa Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Vũ Thanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Phạm Văn Thung